TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN AN BIÊN
TỈNH KIÊN GIANG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 48/2024/DS-ST
Ngày: 27-5 -2024
"*V/v tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản*"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN AN BIÊN, TỈNH KIÊN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đinh Thị Thơm.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Hà Minh Hằng và bà Trần Thị Mộng Lành.

- ***Thư ký phiên tòa***: Ông Nguyễn Văn Mau - Thư ký Tòa án nhân dân huyện An Biên tỉnh Kiên Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện An Biên tỉnh Kiên Giang không tham gia phiên tòa.

Trong ngày 27 tháng 5 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện An Biên tỉnh Kiên Giang, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 32/2024/TLST-DS ngày 12 tháng 01 năm 2024 về việc "Tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 103/2024/QĐXXST-DS ngày 22 tháng 4 năm 2024, Quyết định hoãn phiên tòa số 68/2024/QĐST-DS ngày 10 tháng 5 năm 2024, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Hộ kinh doanh vật liệu xây dựng TD

Người đại diện: Ông Đỗ Minh T, sinh năm 1978 – Chủ hộ kinh doanh.

Nơi đăng ký kinh doanh: Tổ 6, ấp X, xã H, huyện An, tỉnh Kiên Giang.

Chỗ ở hiện nay: Khu phố 5, thị trấn T, huyện A, tỉnh Kiên Giang.

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn là: Bà Lê Thị S, sinh năm 1992

Địa chỉ: Ấp H, xã N, huyện A, tỉnh Kiên Giang. (Có mặt)

2. Bị đơn: Bà Thị X, sinh năm 1969

Địa chỉ: Ấp 5 C, xã N, huyện A, tỉnh Kiên Giang. (Vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và quá trình làm việc tại Tòa án, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn - bà Lê Thị S trình bày:

Vào năm 2019 bà Thị X có đến hộ kinh doanh vật liệu xây dựng TD (viết tắt là vật liệu xây dựng TD) để mua vật liệu xây dựng về cất nhà ở. Tính đến ngày 01/02/2020 bà X còn nợ số tiền 9.525.600 đồng, qua nhiều lần đòi nợ bà X vẫn không thanh toán dứt điểm.

Tại đơn khởi kiện ông Đỗ Minh T yêu cầu bà X phải trả một lần số tiền 9.525.600 đồng. Yêu cầu bà X trả tiền lãi chậm thanh toán từ ngày 01/02/2020 đến ngày 31/5/2023 với lãi suất 1,5%/tháng bằng 5.715.360 đồng. Trong quá trình khởi kiện bà Thị X đã thanh toán được số tiền 5.000.000 đồng và hiện nay còn nợ lại 4.525.600 đồng.

Tại phiên tòa hôm nay, đại diện của nguyên đơn chỉ yêu cầu bà X trả số tiền còn nợ là 4.525.600 đồng và không yêu cầu tính lãi chậm trả.

Bị đơn - bà Thị X đã được tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án, không gửi văn bản nêu ý kiến về yêu cầu khởi kiện, không có yêu cầu phản tố và không có ý kiến phản đối trước yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Chứng cứ thu thập được:

Chứng cứ do nguyên đơn cung cấp: 08 phiếu xuất kho kiêm bán hàng.

Chứng cứ do bị đơn cung cấp: Không.

Qua yêu cầu khởi kiện và ý kiến của các đương sự đã thống nhất và không thống nhất với nhau các vấn đề sau:

Thống nhất: Không.

Không thống nhất: Đại diện hộ kinh doanh vật liệu xây dựng TD yêu cầu bà X trả số tiền 4.525.600 đồng và không yêu cầu tiền lãi chậm trả.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ do các đương sự cung cấp, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

Thẩm quyền giải quyết vụ kiện và quan hệ pháp luật tranh chấp: Tranh chấp phát sinh từ giao dịch mua bán tài sản và bị đơn có nơi cư trú trên địa bàn huyện An Biên, căn cứ vào Điều 26, Điều 35 và điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự Hội đồng xét xử xác định vụ án thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân huyện An Biên và quan hệ pháp luật của vụ án được xác định là "Tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản".

Tại phiên tòa bị đơn tiếp tục vắng mặt sau khi đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai, căn cứ vào khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt bị đơn bà X.

Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa nguyên đơn thay đổi yêu cầu khởi kiện, xác định bà X còn nợ 4.525.600 đồng, chỉ yêu cầu bà X trả số nợ 4.525.600 đồng và không không tiếp tục yêu cầu tính lãi chậm trả tiền. Việc thay đổi yêu cầu khởi kiện không vượt quá phạm vi khởi kiện ban đầu, căn cứ vào Điều 244 Bộ luật tố tụng dân sự, chấp nhận việc thay đổi yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

[2] Về nội dung vụ án:

Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, Hội đồng xét xử nhận thấy: Hộ kinh doanh vật liệu xây dựng TD khởi kiện yêu cầu bà X thanh toán số nợ mua bán còn lại là 4.525.600 đồng và đã cung cấp chứng cứ là 08 Phiếu xuất kho kiêm bán hàng thể hiện có chữ ký xác nhận của bà X. Quá trình thụ lý và giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng trong đó có Thông báo thụ lý vụ án nêu rõ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, tuy nhiên bà X không có ý kiến phản hồi hay phản đối yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn đồng thời không cung cấp chứng cứ chứng minh việc đã trả nợ.

Căn cứ vào khoản 4 Điều 91 Bộ luật tố tụng dân sự Hội đồng xét xử giải quyết vụ việc dân sự theo những chứng cứ đã thu thập được có trong hồ sơ vụ án.

Đối với các chứng cứ do nguyên đơn cung cấp gồm là 08 phiếu xuất kho kiêm bán hàng có chữ ký xác nhận của bên mua hàng (Từ Bl 01 đến Bl 09), tại phiếu xuất kho kiêm bán hàng lập ngày 07/01/2020 thể hiện số tiền bà X còn nợ là 9.525.600 đồng. Từ khi xác nhận cho đến nay bà X không thực hiện nghĩa vụ thanh toán đầy đủ khoản tiền nợ mua bán cho hộ kinh doanh vật liệu xây dựng TD đã vi phạm nghĩa vụ trả tiền theo quy định tại Điều 440 Bộ luật dân sự. Vì vậy cần buộc bà X phải có nghĩa vụ thanh toán số nợ mua bán là 4.525.600 đồng cho hộ kinh doanh vật liệu xây dựng TD là phù hợp với quy định của pháp luật dân sự.

Về lãi suất chậm thực hiện nghĩa vụ trả nợ: Ghi nhận ý kiến của đại diện hộ kinh doanh vật liệu xây dựng TD không yêu cầu tính lãi suất chậm thực hiện nghĩa vụ trả tiền.

[3] Về án phí của vụ án:

Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn phải nộp toàn bộ án phí theo quy định của pháp luật 300.000 đồng.

Hộ kinh doanh vật liệu xây dựng TD được hoàn trả số tiền tạm ứng án phí là 374.000 đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào Điều 26, Điều 35, Điều 39, Điều 144, Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 244, Điều 271 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân năm 2015;

- Áp dụng Điều 430, Điều 440 của Bộ luật dân sự 2015;

- Áp dụng Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Đỗ Minh T – Đại diện Hộ kinh doanh vật liệu xây dựng TD.

1. Buộc bà Thị X phải trả cho Hộ kinh doanh vật liệu xây dựng TD số tiền mua vật liệu xây dựng còn nợ là 4.525.600 đồng (Bốn triệu, năm trăm hai mươi lăm nghìn, sáu trăm đồng). Nghĩa vụ trả nợ được thực hiện khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Về lãi suất chậm thực hiện nghĩa vụ trả nợ: Ghi nhận ý kiến của đại diện hộ kinh doanh vật liệu xây dựng TD không yêu cầu tính lãi suất chậm thực hiện nghĩa vụ trả tiền.

2. Về án phí vụ kiện:

Bà Thị X phải nộp án phí số tiền là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng).

Hộ kinh doanh vật liệu xây dựng TD được hoàn trả số tiền án phí đã nộp là 374.000 đồng (Ba trăm bảy mươi bốn nghìn đồng) theo biên lai thu tiền số 0009156 ngày 12/01/2024 của Chi cục thi hành án dân sự huyện An Biên.

3. Quyền kháng cáo: Án xử công khai, đương sự có mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án là ngày 27/5/2024. Bị đơn vắng mặt tại

phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tống đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Kiên Giang;
- VKSND huyện An Biên;
- Chi cục THADS huyện An Biên;
- Các đương sự;
- Lưu: VT, HSDS.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Đinh Thị Thơm